

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v Tranh chấp về Hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Ông Lê Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST-KDTM ngày 15/7/2024 về việc “Tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T1 (tạm gọi Công ty T1);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Châu Thị Ngọc G – Chức vụ - Giám đốc;
Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV X (tạm gọi Công ty X);

Địa chỉ: Số B, Đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang T – Giám đốc; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn - bà Châu Ngọc G trình bày:

Công ty TNHH MTV X có mua hàng hóa là vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV T1 từ tháng 4/2022, hai bên không làm hợp đồng mua bán mà thực hiện mua bán bằng hình thức bên Công ty X do ông T là giám đốc sẽ gọi điện thoại hoặc nhắn tin đặt hàng và bên Công ty chúng tôi sẽ tiến hành giao hàng. Quá trình mua bán Công ty X đã mua hàng hóa với tổng số tiền là 555.400.000 đồng, đã trả được tổng số tiền 369.200.000 đồng, còn nợ tiền mua hàng hóa của Công ty T1 với tổng số tiền 186.200.000 đồng (đã bỏ số lẻ) nhưng đến nay không trả.

Do đó, Công ty TNHH MTV T1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV X trả số tiền mua hàng còn nợ là 186.200.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH MTV X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 24, 50 Luật Thương mại 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung 2019); Nghị quyết số 326/2016/UBTNQH14 ngày 30-12-2016 đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

+ Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T1 đối với số tiền 93.200.000 đồng.

+ Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2024, Công ty TNHH MTV T1 khởi kiện Công ty TNHH MTV X có địa chỉ tại số B, Đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu trả tiền mua hàng hóa còn nợ lại nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ theo quy

định tại các Điều 30; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về đánh giá chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 USB (chứa 2 file ghi âm) ghi chú tên Tiệp-XD-2211011531 và Tiệp-XD-2211171826-_1_ kèm theo là các đơn giải trình cùng ngày 22/8/2024 của bà G; Bản phô tô nội dung một số tin nhắn zalo trong “nhóm CTY TÂY NINH/VN”; Bản phô tô nội dung tin nhắn zalo giữa bà G và người tên Vợ T; Bản phô tô các biên nhận, phiếu giao nhận, nhật ký bán hàng mốc thời gian từ khoảng tháng 3/2022 đến khoảng tháng 9/2022 và Các bản đối chiếu công nợ mốc thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2024 (bản phô tô, không có chữ ký của khách hàng).

Xét thấy, đối với các biên nhận, phiếu giao nhận, bản đối chiếu công nợ mà nguyên đơn đã cung cấp đều là bản phô tô, nguyên đơn không cung cấp được thông tin, địa chỉ của những người nhận hàng hóa và nhân viên đặt hàng. Đồng thời, giữa Công ty T1 và Công ty X cũng không có tiến hành đối chiếu công nợ, chốt nợ nên đối với các tài liệu, chứng cứ này không thể xác minh, kiểm tra được nên không có căn cứ xem xét để chấp nhận.

Đối với 01 USB (chứa 2 file ghi âm) ghi chú tên Tiệp-XD-2211011531 và Tiệp-XD-2211171826-_1_, bà Châu Thị Ngọc G là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đồng thời là người đã ghi âm các nội dung trao đổi giữa bà G và ông T (người đại diện theo pháp luật của bị đơn), bà G đã cung cấp được văn bản trình bày về xuất xứ của các file ghi âm và các đương sự không ai có ý kiến đối với chứng cứ này do nguyên đơn đã cung cấp nên có cơ sở để xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ theo 2 file ghi âm ghi chú tên Tiệp-XD-2211011531 và Tiệp-XD-2211171826-_1_ và các bản giải trình của bà G thể hiện file ghi âm ghi chú tên Tiệp-XD-2211011531 được ghi vào ngày 01/11/2022 và file ghi âm ghi chú tên Tiệp-XD-2211171826-_1_ được ghi vào ngày 17/11/2022. Theo đó, trong nội dung ghi

âm ông T chỉ thừa nhận Công ty X nợ tiền mua hàng hóa của Công ty T1 là 213.000.000 đồng. Do đó, chỉ có cơ sở xác định số tiền mua hàng hóa Công ty X còn nợ Công ty T1 là 213.000.000 đồng. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 22/8/2024, bà G thừa nhận Công ty X đã trả cho Công ty T1 được 03 lần với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, trong đó, lần 1 chuyển khoản 50.000.000 đồng vào ngày 04/12/2022, lần 2 chuyển khoản 50.000.000 đồng vào ngày 19/01/2023 và lần 3 chuyển khoản 20.000.000 đồng cũng cùng ngày 19/01/2023 rồi ngưng cho đến nay. Như vậy, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T1 khởi kiện là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, chỉ có cơ sở xác định Công ty X còn nợ tiền mua hàng hóa của Công ty T1 với số tiền là: 213.000.000 đồng – 120.000.000 đồng = 93.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Về tiền lãi từ thời điểm bị đơn ngừng thanh toán cho đến ngày xét xử hôm nay: Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền nợ mua hàng còn nợ lại, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T1 đối với số tiền 93.200.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV T1 phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là: 93.200.000 đồng x 5% = 4.660.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.657.000 đồng theo biên lai thu số 0003095 ngày 12/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Công ty TNHH MTV T1 còn phải nộp thêm số tiền 3.000 đồng (Ba nghìn đồng)

Công ty TNHH MTV X phải chịu án phí sơ thẩm là: 93.000.000 đồng x 5% = 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 24, 50 Luật Thương mại 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung 2019);

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 đối với Công ty TNHH MTV X về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”:

Buộc Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền mua hàng hóa còn nợ lại là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T1 đối với số tiền 93.200.000 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 4.660.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.657.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003095 ngày 12/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Công ty TNHH MTV T1 còn phải nộp thêm số tiền 3.000 đồng (Ba nghìn đồng).

Công ty TNHH MTV X phải chịu án phí sơ thẩm là 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung